TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Trương Thoại Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Số xxx, đường x, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Nh yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Tuấn A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 01-7-

2014. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Chị Nh và anh Tuấn A không còn chung sống với nhau hơn 08 tháng. Chị Nh nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Tuấn A.

Về con chung: Thời gian chung sống, Chị Nh và anh Tuấn A có 01 (một) con chung tên Lê Tuấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 11-3-2016. Cháu Đ đang sống cùng với Chị Nh. Sau khi ly hôn, Chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lê Tuấn A:

Anh Tuấn A đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tuấn A vắng mặt, không có văn bản tường trình ý kiến, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 3 năm 2022, mâu thuẫn gia đình giữa Chị Nh và anh Tuấn A như sau:

Chị Nh và anh Tuấn A là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn Chị Nh, anh Tuấn A ít chung sống tại địa phương nên không nắm được mâu thuẫn gia đình giữa anh, chị. Tuy nhiên, qua làm việc với gia đình anh Tuấn A thì được biết Chị Nh, anh Tuấn A không còn chung sống với nhau.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nh, cụ thể: Chị Nh được ly hôn với anh Tuấn A; Giao con chung tên Lê Tuấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 11-3-2016 cho Chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị Nh không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem

xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị Nh khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Tuấn A. Anh Tuấn A cư trú tại Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Nh có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, anh Tuấn A vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Nh và anh Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Nh có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, anh Tuấn A vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 96/2014, quyển số 01/2014 ngày 01-7-2014. Tại thời điểm kết hôn Chị Nh, anh Tuấn A đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Nh, anh Tuấn A được pháp luật công nhận.

[4] Chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nh và anh Tuấn A là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, sau khi kết hôn anh, chị chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được và anh, chị không còn chung sống với nhau hơn 08 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Chị Nh, anh Tuấn A tham gia phiên hòa giải, nhưng anh Tuấn A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy Chị Nh, anh Tuấn A đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 54/2016, đăng ký ngày 20-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Nh, anh Tuấn A có con chung tên Lê Tuấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 11-3-2016. Sau khi ly hôn Chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh Tuấn A không có ý kiến phản đối yêu cầu này của Chị Nh. Hội đồng xét xử xét thấy, Cháu Đ đang sống cùng với Chị Nh, cuộc sống của cháu đã ổn định, để đảm bảo cuộc sống của Cháu Đ không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của Cháu Đ thì giao Cháu Đ cho Chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Như vậy, yêu cầu về con chung của Chị Nh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Theo quy định này, anh Tuấn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của Cháu Đ được sống với Chị Nh. Đồng thời, anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Theo quy định viện dẫn, anh Tuấn A là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Nh không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Nh được ly hôn với anh Lê Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Tuấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 11-3-2016 cho chị Trương Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lê Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trương Thị Nh không yêu cầu anh Lê Tuấn A phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0002970 ngày 18-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trương Thị Nh đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt